

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1694 /QĐ-MĐC ngày 19 tháng 9 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Ngành đào tạo:	Kỹ thuật Địa chất	Mã số: 52520501
Chuyên ngành đào tạo:	Nguyên liệu khoáng (Mineral Raw Materials)	Mã số: 5252050101
Trình độ đào tạo:	Đại học	
Loại hình đào tạo:	Chính quy tập trung	
Bộ môn chủ quản đào tạo:	Nguyên liệu khoáng	

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo chuyên ngành Nguyên liệu khoáng nhằm đào tạo những kỹ sư nguyên liệu khoáng có bản lĩnh chính trị, tác phong đạo đức, trình độ học vấn, chuyên môn và đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của ngành kỹ thuật Địa chất. Ngoài ra, kỹ sư chuyên ngành Nguyên liệu khoáng còn được trang bị kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ, phương pháp làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày và giao tiếp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Đào tạo các kỹ sư có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có kiến thức tổng hợp về ngành kỹ thuật Địa chất và có các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Nguyên liệu khoáng.

Kỹ năng: Các kỹ sư tốt nghiệp chuyên ngành Nguyên liệu khoáng có kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc có khả năng thích ứng tốt với những công việc khác nhau thuộc lĩnh vực nghiên cứu địa chất như: đo vẽ bản đồ địa chất, điều tra đánh giá tài nguyên khoáng sản và tìm kiếm, thăm dò các mỏ khoáng sản rắn; Ngoài ra, các sinh viên còn có kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu về cấu trúc kiến tạo, khoáng sản, thạch luận các đá magma, trầm tích và biến chất, dự báo tài nguyên khoáng sản rắn. Có khả năng ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong nghiên cứu địa chất nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc. Nghiên cứu thành phần vật chất, đánh giá chất lượng khoáng sản, chế biến và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản, am hiểu sâu sắc về các loại nguyên liệu khoáng, yêu cầu công nghiệp cũng như lĩnh vực sử dụng;

Có những kiến thức cơ bản về công nghệ sản xuất: gốm sứ, thủy tinh, xi măng, phân sinh học, phụ gia vô cơ...; Lập và phân tích các dự án về đầu tư phát triển nguyên liệu khoáng

Thái độ: Các kỹ sư tốt nghiệp chuyên ngành Nguyên liệu khoáng có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân tốt, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Các kỹ sư chuyên ngành nguyên liệu khoáng ra trường có thể làm việc tại các Viện nghiên cứu và các Liên đoàn Địa chất, các Sở Khoa học công nghệ, các Sở Tài nguyên môi trường, các Xí nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản. Các công ty, tập đoàn sản xuất vật liệu xây dựng...

Trình độ ngoại ngữ: Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản và đọc tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn.

Trình độ tin học: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tư duy logic tốt, có năng lực sáng tạo để giải quyết các bài toán ứng dụng trong lĩnh vực nghiên cứu địa chất. Sử dụng thành thạo một số phần mềm chuyên dụng trong nghiên cứu địa chất.

2. Thời gian đào tạo: 5 năm
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 159÷162
4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của BGD&ĐT
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1. Quy trình đào tạo:

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” (Ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH, ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ điều kiện như quy định tại Điều 27 của quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT và Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp, cụ thể:

- Đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số học phần theo chương trình đào tạo. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa phải đạt từ 2,00 trở lên

- Các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng đạt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học.

6. Thang điểm

Theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH của Trường Đại học Mở-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình: 162 TC

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 52 TC

- Kiến thức bắt buộc: 46 TC
- Kiến thức tự chọn: 6 TC

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 110 TC

- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 29 TC
- Kiến thức chuyên ngành: 6÷ 70 TC
- Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp: 7 TC
- Đồ án tốt nghiệp: 7 TC

8. Nội dung kiến thức đào tạo

Mã số	Tên môn học	Tín chỉ	Bộ môn quản lý
I	Kiến thức giáo dục Đại cương	52	
I.1	Kiến thức giáo dục Đại cương bắt buộc	46	
4010101	Đại số	3	Toán
4010102	Giải tích 1	4	Toán
4010103	Giải tích 2	3	Toán
4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3(2+1)	Vật lý
4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3(2+1)	Vật lý
4010301	Hoá học đại cương + TN	3(2+1)	Hoá

4010613	Tiếng Anh 1	3	Tiếng anh
4010614	Tiếng Anh 2	3	Tiếng anh
4010701	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất
4010702	Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất
4010703	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất
4010704	Giáo dục thể chất 4	1	Giáo dục thể chất
4010705	Giáo dục thể chất 5	1	Giáo dục thể chất
4020101	Nguyên lý cơ bản của CN Mac-Lênin 1	2	Nguyên lý CB của CNM-Lê nin
4020102	Nguyên lý cơ bản của CN Mac-Lênin 2	3	Nguyên lý CB của CNM-Lê nin
4020201	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	Đường lối CM của ĐCS VN
4020301	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4080201	Tin học đại cương	3	Tin học cơ bản
	Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	3	Giáo dục quốc phòng
I.2	Kiến thức giáo dục Đại cương tự chọn (Chọn 6 TC)	6	
4010105	Xác suất thống kê	2	Toán
4010303	Hoá vô cơ 1	3	Hoá
4010308	Hoá lý	4	Hoá
4010309	Hoá hữu cơ 1	2	Hoá
4040205	Tin học ứng dụng trong địa chất + TH	2	Tìm kiếm thăm dò
II	Kiến thức giáo dục chuyên ngành	110	
II.1	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	29	
4040101	Địa chất đại cương	3	Địa chất
4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	3	Địa chất
4040106	Địa chất Việt Nam	2	Địa chất
4040107	Địa mạo và trầm tích Đệ tứ	2	Địa chất
4040301	Tinh thể khoáng vật	3	Khoáng thạch
4040304	Thạch học 1	4	Khoáng thạch
4040616	Cơ sở Địa chất thuỷ văn- ĐC công trình	3	ĐCTV
4050510	Trắc địa phổ thông + TT	3(2+1)	Trắc địa Mỏ
4060101	Địa vật lý đại cương + TT	3(2+1)	Địa vật lý
4060416	Kỹ thuật khoan + TT	3(2+1)	Khoan khai thác

II.2	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	43	
II.2.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	12	
4010407	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật	3	Hình hoạ
4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	Tuyển khoáng
4070108	Mô hình toán kinh tế	2	Kinh tế cơ sở
4070304	Kinh tế và quản trị DN	2	Quản trị DN Địa chất - dầu khí
4070307	Quản trị dự án đầu tư	3	Quản trị DN Địa chất - dầu khí
II.2.2	Kiến thức chuyên ngành	31	
4040114	TT Địa chất đại cương	1	Địa chất
4040115	TT Địa chất cấu tạo và đo vẽ Bđồ địa chất	3	Địa chất
4040207	Địa chất mỏ	2	Tìm kiếm thăm dò
4040212	Các PP tìm kiếm thăm dò và đánh giá mỏ	2	Tìm kiếm thăm dò
4040401	Địa chất các mỏ khoáng	3	Khoáng sản
4040701	Công nghệ vật liệu vô cơ và silicat	2	Nguyên liệu khoáng
4040702	Nhiên liệu khoáng	2	Nguyên liệu khoáng
4040703	Tiếng Anh chuyên ngành NLK	2	Nguyên liệu khoáng
4040707	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất thủy tinh	2	Nguyên liệu khoáng
4040708	Ngọc học	2	Nguyên liệu khoáng
4040709	Các PP chế tác đá quý và bán quý	2	Nguyên liệu khoáng
4040710	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất phân bón	3	Nguyên liệu khoáng
4040213	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất đá xây dựng & ốp lát	2	Tìm kiếm thăm dò
4070316	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	2	Quản trị DN địa chất - dầu khí
II.3	Kiến thức chuyên ngành tự chọn theo chuyên sâu (SV chọn TC theo các hướng chuyên sâu 8 TC)	8	
II.3.1.	Hướng chuyên sâu về Nguyên liệu khoáng cho công nghệ luyện kim	8	
4030416	Làm giàu nguyên liệu khoáng kim loại	2	Tuyển khoáng
4030417	Luyện kim	2	Tuyển khoáng
4040309	Thạch học kỹ thuật	2	Khoáng thạch
4040408	Khoáng tướng + đồ án	2(1+1)	Khoáng sản
4040705	N. liệu khoáng cho công nghiệp luyện kim	2	Nguyên liệu khoáng

4040715	Công nghệ sản xuất vật liệu chịu lửa	2	Nguyên liệu khoáng
II.3.2.	Hướng chuyên sâu về Nguyên liệu khoáng cho CN sản xuất xi măng	8	
4030415	Làm giàu N. liệu khoáng không kim loại	2	Tuyển khoáng
4040706	Nguyên liệu khoáng cho công nghiệp xi măng	2	Nguyên liệu khoáng
4040711	Nguyên liệu khoáng kỹ thuật và phụ gia vô cơ	3	Nguyên liệu khoáng
4040712	Công nghệ sản xuất xi măng	3	Nguyên liệu khoáng
II.3.3.	Hướng chuyên sâu về Nguyên liệu khoáng cho CN gốm sứ và vật liệu chịu lửa	8	
4040309	Thạch học kỹ thuật	2	Khoáng thạch
4040704	Nguyên liệu khoáng cho công nghiệp gốm sứ và vật liệu chịu lửa	2	Nguyên liệu khoáng
4040711	Nguyên liệu khoáng kỹ thuật và phụ gia vô cơ	3	Nguyên liệu khoáng
4040714	Công nghệ sản xuất gốm sứ	3	Nguyên liệu khoáng
4040715	Công nghệ sản xuất vật liệu chịu lửa	2	Nguyên liệu khoáng
II.4 Mục B	Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa (SV chọn 8TC mục B)	8	
4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	2	Khai thác hầm lò
4100103	Cơ học đá và khối đá 1	2	Xây dựng công trình ngầm
4040103	Cổ sinh địa sử	2	Địa chất
4040107	Địa mạo và trầm tích Đệ tứ	2	Địa chất
4040108	Địa chất biển đại cương	2	Địa chất
4040109	Phương pháp viễn thám trong địa chất	2	Địa chất
4040111	Địa chất môi trường	2	Địa chất
4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2	Địa chất
4040118	Các mô hình địa động lực	2	Địa chất
4040119	Địa chất du lịch	2	Địa chất
4040202	Toán địa chất +TH	2	Tìm kiếm thăm dò
4040206	Hệ thống thông tin địa lý ỨD trong địa chất (GIS)	2	Tìm kiếm thăm dò
4040210	Lập và phân tích DA đầu tư phát triển mỏ	2	Tìm kiếm thăm dò
4040217	Địa thống kê	2	Tìm kiếm thăm dò
4040218	Luật khoáng sản và luật môi trường	2	Tìm kiếm thăm dò
4040303	Khoáng vật sét	2	Khoáng thạch
4040312	Trầm tích học	2	Khoáng thạch
4040407	Kinh tế nguyên liệu khoáng	2	Khoáng sản

4040409	Khoáng sàng đại cương	2	Khoáng sản
4040412	Khoáng sản biển đại cương	2	Khoáng sản
4040413	Khoáng sản Việt Nam	2	Khoáng sản
4040506	Địa chất động lực công trình	2	ĐCCT
4040523	Địa chất công trình mỏ	2	ĐCCT
4040529	Các thiết bị khảo sát trong ĐCCT	2	ĐCCT
4040602	Thủy văn đại cương	2	Địa chất thủy văn
4040630	Quản lý tài nguyên nước	2	ĐCTV
4040636	Thoát nước công trình ngầm và mỏ	2	ĐCTV
4060103	Thăm dò điện	4	Địa vật lý
4060117	Thăm dò địa chấn	3	Địa vật lý
4060121	Địa vật lý giếng khoan	3	Địa vật lý
4060124	Địa nhiệt	2	Địa vật lý
4090413	Thủy lực cơ sở B	2	KT cơ khí
4080203	Cơ sở lập trình	3	Tin học cơ bản
4050501	Trắc địa mỏ lộ thiên và xây dựng mỏ	2	Trắc địa mỏ
4040310	Địa hoá	2	Khoáng thạch
4100232	Địa hoá sinh thái môi trường	2	Địa sinh thái
4040112	Kiến tạo mảng	2	Địa chất
II.5 Mục C	Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường (SV chọn 8 TC mục C)	8	
4000001*	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	
4000002*	Tâm lý học đại cương	2	
4000003*	Tiếng Việt thực hành	2	
4000004*	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	
4010403	Autocad	2	Hình họa
4010615	Tiếng Anh 3	2	Tiếng anh
4010615	Tiếng Anh 4	2	Tiếng anh
4010605	Tiếng Nga 1	2	Tiếng anh
4010606	Tiếng Nga 2	2	Tiếng anh
4010607	Tiếng Trung 1	2	Tiếng anh
4010608	Tiếng Trung 2	2	Tiếng anh
4020103	Pháp luật đại cương	2	Khoa Lý luận chính trị
4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	Khai thác lộ thiên
4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	Khai thác hầm lò

4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	Tuyển khoáng
4040101	Địa chất đại cương	3	Địa chất
4040110	Địa mạo cảnh quan	2	Địa chất
4040616	Cơ sở địa chất thủy văn – ĐC công trình	3	Địa chất thủy văn
4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TĐ)	3	Trắc địa cao cấp
4050301	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	Đo ảnh và viễn thám
4050302	Cơ sở viễn thám	2	Trắc địa cao cấp
4050401	Trắc địa phổ thông + TT	3	Trắc địa phổ thông và sai số
4050509	Kỹ thuật môi trường	2	Trắc địa mỏ
4060101	Địa vật lý đại cương + TT	3	Địa vật lý
4060339	Cơ sở lọc hoá dầu	2	Lọc hoá dầu
4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	Khoan – Khai thác
4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3	Quản trị DN ĐC - dầu khí
4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	Quản trị DN ĐC - dầu khí
4070401	Nguyên lý kế toán	3	Kế toán
4080309	Mã nguồn mở trong chuyên ngành	2	Tin học Trắc địa
4080153	Thiết kế Website	2	Công nghệ phần mềm
4090301	Kỹ thuật điện + TN	3	Kỹ thuật điện - điện tử
II.6	Thực tập nghề nghiệp	12tuần	
4040718	Thực tập sản xuất	3	Nguyên liệu khoáng
4040719	Thực tập tốt nghiệp	4	Nguyên liệu khoáng
II.7	Đồ án tốt nghiệp	15tuần	
4040720	Đồ án tốt nghiệp		Nguyên liệu khoáng
	Tổng cộng	162	

KHOA KHKT ĐỊA CHẤT

PGS TS Nguyễn Văn Lâm

BỘ MÔN NGUYÊN LIỆU KHOÁNG

PGS TS. Nguyễn Văn Lâm

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH NGUYÊN LIỆU KHOÁNG (LỘ TRÌNH CHUYỂN SÂU DCNK 3)

HK1(15TC)	HK2(16TC)	HK3(19TC)	HK4(20TC)	HK5(18TC)	HK6(17TC)	HK7(17TC)	HK8(19TC)	HK9(10TC)	HK10(14TC)
4020101 3(0) Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN1 4010102 4(0) Giải tích 1 4010101 3(0) Đại số 4010201 3(0) Vật lý đại cương A1+TN 4010202 3(0) Vật lý đại cương A2+TN 4010203 3(0) Tiếng Anh NEF1 4010301 3(0) Hóa học đại cương phần 1+TN 4010701 1(0) Giáo dục thể chất 1 4020103 2(0) Pháp luật đại cương	4020102 3(0) Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2 4010103 3(0) Giải tích 2 4010201 3(0) Vật lý đại cương A1+TN 4010202 3(0) Vật lý đại cương A2+TN 4010203 3(0) Tiếng Anh NEF2 4010301 3(0) Hóa học đại cương phần 1+TN 4010701 1(0) Giáo dục thể chất 1 4020103 2(0) Pháp luật đại cương	4040701 2(0) Công nghệ vật liệu vô cơ và silicat 4020201 2(0) Tư tưởng Hồ Chí Minh 4010202 3(0) Vật lý đại cương A2+TN 4010602 3(0) Tiếng Anh NEF2 4040101 3(0) Địa chất đại cương 4040301 3(0) Tĩnh thể khoáng vật + TN 4010703 1(0) Giáo dục thể chất 3 Môn học tự chọn A(ngànhDCNK) 4040304 3(0) Địa chất các mỏ khoáng	4010406 3(0) Hình họa và vẽ KT + Bài tập lớn 4040301 4(0) Thạc học 1 + TN 4040101 3(0) TT Địa chất đại cương 4050526 2(0) Trắc địa đại cương 4050527 1(0) TT Trắc địa đại cương 4060142 2(0) Địa vật lý đại cương 4060143 1(0) TT Địa vật lý đại cương 4010704 1(0) Giáo dục thể chất 4 Môn học tự chọn A(ngànhDCNK)	4040107 2(0) Địa mạo và TT Địa dư 4070307 3(0) Quản trị dự án 4070316 2(0) Kinh tế NLK và đánh giá KT KS 4040104 3(0) Địa chất cấu tạo và do vẽ bđdc 4040105 3(0) Địa chất cầu tạo và do vẽ bđdc 4040106 3(0) TT ĐCCT và do vẽ bđdc 4040107 3(0) TT ĐCCT và do vẽ bđdc 4040108 2(0) Tiếng Anh chuyên ngành NLK 4010705 1(0) Giáo dục thể chất 5 Môn học tự chọn A(ngànhDCNK)	4030422 2(0) Cơ sở tuyển khoáng 4040212 2(0) Các PP TKTD 4040616 3(0) Cơ sở ĐCCTV ĐCCT 4040713 3(0) NLK và CN SX Thủy tinh 4040708 3(0) Ngọc học & các PP chế tác Đá quý Môn học tự chọn B(khoa04) Môn học tự chọn C(toàn trường)	4040101 2(0) Địa chất Việt Nam 4040207 2(0) Địa chất mỏ 4040702 2(0) Nhiên liệu khoáng 4060436 2(0) Kỹ thuật khoan 4070108 2(0) Mô hình toán kinh tế 4070304 3(0) Kinh tế và quản trị doanh nghiệp Môn học tự chọn B(khoa04) Môn học tự chọn C(toàn trường)	4040717 3(0) NLK và CN SX đa xây dựng 4040711 3(0) NLK kỹ thuật và Phụ gia vô cơ 4040704 2(0) NLK cho CN Gốm sứ & VLCL 4040714 3(0) CN SX Gốm sứ 4040309 2(0) Thạc học kỹ thuật 4040715 2(0) CN SX vật liệu chịu lửa Môn học tự chọn B(khoa04) Môn học tự chọn C(toàn trường)	4020201 3(0) Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam 4040702 3(0) NLK & CN SX phân bón Môn học tự chọn B(khoa 04) Môn học tự chọn C(toàn trường)	4040718 3(0) TT Sản xuất 4040719 4(0) Thực tập tốt nghiệp 4040720 7(0) Đồ án tốt nghiệp

Các môn học tự chọn A chọn 6 tín chỉ

4010105 2(0) Xác suất thống kê

4010303 3(0) Hóa vô cơ phần 1 + TN

4010308 4(0) Hóa lý

4010309 2(0) phần 1 + TN

Hóa hữu cơ phần 1

Các môn học tự chọn C chọn 8 tín chỉ

4030114 2(0) Cơ sở khai thác lộ thiên

4000005 2(0) Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm

4010403 2(0) Autocad

4050509 2(0) Kỹ thuật môi trường

4000001 2(0) Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính

4010603 2(0) Tiếng Anh KET1

4010604 2(0) Tiếng Anh KET2

Các môn học tự chọn B chọn 8 tín chỉ

4040303 2(0) Khoáng vật sét

4040407 2(0) Kinh tế NLK

4040412 2(0) Khoáng sản biến dạng

4040413 2(0) Khoáng sản Việt Nam

4040108 2(0) Địa chất biến dạng

4040111 2(0) Địa chất môi trường

4040119 2(0) Địa chất du lịch

Chú thích

Mã học phần Số tín chỉ

→ Học phần học trước

---> Học phần song hành

KẾ HOẠCH HỌC TẬP TUẦN NGÀNH NGUYÊN LIỆU KHOÁNG (HƯỚNG CHUYÊN SÂU DCNK 1)

HK1(15TC)	HK2(16TC)	HK3(19TC)	HK4(20TC)	HK5(18TC)	HK6(17TC)	HK7(17TC)	HK8(18TC)	HK9(10TC)	HK10(14TC)
4010101 30 Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2	4010102 30 Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2	4040701 20 Công nghệ vật liệu vô cơ và silicat	4010406 30 Hình họa và vẽ KT + Bài tập lớn	4040107 20 Địa mạo và TT Đê từ	4030422 20 Cơ sở tuyển khoáng	4040106 20 Địa chất Việt Nam	4040171 30 NLK và CN SX đá xây dựng	4020301 30 Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	4040718 30 TT Sản xuất
4010102 40 Giải tích 1	4010103 30 Giải tích 2	4020201 20 Tư tưởng Hồ Chí Minh	4040301 40 Hình họa và vẽ KT + Bài tập lớn	4070307 30 Quản trị dự án	4040212 20 Các PP TKTD	4040207 20 Địa chất mỏ	4040705 20 NLK cho CN luyện kim	4040710 30 NLK & CN SX phân bón	4040719 40 Thực tập tốt nghiệp
4010101 30 Đại số	4010201 30 Vật lý đại cương A1+TN	4010202 30 Vật lý đại cương A2+TN	4040114 10 TT Địa chất đại cương	4070316 20 Kinh tế NLK và đánh giá KT KS	4040101 30 Cơ sở ĐCTV ĐCCT	4040702 20 Nhiên liệu khoáng	4030417 20 Luyện kim	4040720 70 Đồ án tốt nghiệp	
4080201 30 Tin học đại cương+TH	4010301 30 Hóa học đại cương phần 1+TN	4040101 30 Tiếng Anh NEF1	4040101 30 Địa chất đại cương	4040104 30 Địa chất cấu tạo và do vẽ bước	4040713 30 NLK và CN SX Thủy tinh	4060436 20 Kỹ thuật khoan	4030416 20 Luyện kim		
4010701 10 Giáo dục thể chất 1	4010702 10 Giáo dục thể chất 2	4040301 30 Địa chất đại cương vật + TN	4040101 30 Địa chất cấu tạo và do vẽ bước	4040115 30 TT ĐCCT và do vẽ	4040708 30 Ngọc học & các PP chế tác Đá quý	4070108 20 Mô hình toán kinh tế	4040408 30 Khoáng tương + TH		
4020103 20 Pháp luật đại cương	4010703 10 Giáo dục thể chất 3	4040301 30 Địa chất đại cương vật + TN	4060143 10 Địa vật lý đại cương	4040703 20 Tiếng Anh chuyên ngành NLK	4040705 10 Giáo dục thể chất 5	4070304 30 Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	4040715 20 CN SX vật liệu chịu lửa		
		4040304 30 Địa chất các mỏ khoáng	4040401 30 Địa vật lý đại cương	4040703 20 Tiếng Anh chuyên ngành NLK	4040705 10 Giáo dục thể chất 5	4070304 30 Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	4040715 20 CN SX vật liệu chịu lửa		
		4040304 30 Địa chất các mỏ khoáng	4040401 30 Địa vật lý đại cương	4040703 20 Tiếng Anh chuyên ngành NLK	4040705 10 Giáo dục thể chất 5	4070304 30 Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	4040715 20 CN SX vật liệu chịu lửa		

Các môn học tự chọn A chọn 6 tín chỉ

- 4010105 20
Xác suất thống kê
- 4010303 30
Hóa vô cơ phần 1 + TN
- 4010308 40
Hóa lý phần 1 + TN
- 4010309 20
Hóa hữu cơ phần 1

Các môn học tự chọn B chọn 8 tín chỉ

- 4040303 20
Khoáng vật sét
- 4040407 20
Kinh tế NLK
- 4040412 20
Khoáng sản biến dạng
- 4040413 20
Khoáng sản biến dạng
- 4040108 20
Địa chất biến dạng
- 4040111 20
Địa chất môi trường
- 4040119 20
Địa chất du lịch

Các môn học tự chọn C chọn 8 tín chỉ

- 4000001 20
Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính
- 4010603 20
Tiếng Anh KET1
- 4010604 20
Tiếng Anh KET2
- 4030114 20
Cơ sở khai thác lộ thiên
- 4000005 20
Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm
- 4010403 20
Autocad
- 4050509 20
Kỹ thuật môi trường

Chú thích

- Mã học phần
- Số tín chỉ
- Học phần học trước
- Học phần song hành

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUYÊN NGÀNH NGUYÊN LIỆU KHOÁNG (HƯỚNG CHUYÊN SÂU DCNK 2)



HK1(15TC)	HK2(16TC)	HK3(19TC)	HK4(20TC)	HK5(18TC)	HK6(17TC)	HK7(17TC)	HK8(18TC)	HK9(10TC)	HK10(14TC)
4020101 20 Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2 4010102 40 Giải tích 1 4010101 30 Đại số 4080201 30 Tin học đại cương+TH 4010701 10 Giáo dục thể chất 1 4020103 20 Pháp luật đại cương	4020102 30 Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2 4010103 30 Giải tích 2 4010201 30 Vật lý đại cương A1+TN 4010601 30 Tiếng Anh NEF1 4010301 30 Hóa học đại cương phần 1+TN 4010702 10 Giáo dục thể chất 2 4020103 20 Pháp luật đại cương	4040701 20 Công nghệ vật liệu vô cơ và silicat 4020201 20 Tư tưởng Hồ Chí Minh 4010202 30 Vật lý đại cương A2+TN 4010602 30 Tiếng Anh NEF2 4040101 30 Địa chất đại cương 4040301 30 Tính thể khoáng vật + TN 4010703 10 Giáo dục thể chất 3 20 Môn học tự chọn A(ngànhDCNK) 4040304 20 Địa vật lý đại cương 4060143 10 TT Địa vật lý đại cương 4010704 10 Giáo dục thể chất 4 4040401 30 Địa chất các mỏ khoáng	4010406 30 Hình hoa và vẽ KT + Bài tập lớn 4040301 40 Thạch học 1+TN 4040114 10 TT Địa chất đại cương 4050526 20 Trắc địa đại cương 4050527 10 TT Trắc địa đại cương 4040101 20 Địa vật lý đại cương 4060142 20 Địa vật lý đại cương 4060143 10 TT Địa vật lý đại cương 4010704 10 Giáo dục thể chất 4 4040401 30 Địa chất các mỏ khoáng	4040107 20 Địa mạo và TT Đất 4070307 30 Quản trị dự án đầu tư 4070316 20 Kinh tế NLK và đánh giá KT KS 4040104 30 Địa chất cấu tạo và đo vẽ bước 4040115 30 TT ĐCCT và đo vẽ BD ĐC 4040703 20 Tiếng anh chuyên ngành NLK 4010705 10 Giáo dục thể chất 5 20 Môn tự chọn A(ngànhDCNK)	4030422 20 Cơ sở tuyến khoáng 4040101 20 Các PP TKTD 4040616 30 Cơ sở ĐCCTV ĐCCT 4040713 30 NLK và CN SX Thủy tinh 4040708 30 Ngọc học & các PP chế tác Đá quý 4040709 20 Môn học tự chọn B(khoa04) 20 Môn tự chọn C(toàn trường)	4040101 20 Địa chất Việt Nam 4040207 20 Địa chất mỏ 4040401 20 Nhiên liệu khoáng 4060436 20 Kỹ thuật khoan 4070108 20 Mô hình toán kinh tế 4070304 30 Kinh tế và quản trị doanh nghiệp 20 Môn học tự chọn B(khoa04) 20 Môn tự chọn C(toàn trường)	4040717 30 NLK và CN SX đá xây dựng 4040711 30 NLK kỹ thuật và Phụ gia vô cơ 4030415 20 Làm giàu NLK không kim loại 4040706 30 NLK cho CN xi măng 4040712 30 CN SX xi măng 20 Môn học tự chọn B(khoa04) 20 Môn tự chọn C(toàn trường)	4020301 30 Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam 4040710 30 NLK & CN SX phân bón 20 Môn tự chọn B(khoa 04) 20 Môn tự chọn C(toàn trường)	4040718 30 TT Sản xuất 4040719 40 Thực tập tốt nghiệp 4040720 70 Đồ án tốt nghiệp

Các môn học tự chọn A chọn 6 tín chỉ

- 4010105 20
Xác suất thống kê
- 4010303 30
Hóa vô cơ phần 1 + TN
- 4010308 40
Hóa lý
- phần 1 + TN
- 4010309 20
Hóa hữu cơ phần I

Các môn học tự chọn B chọn 8 tín chỉ

- 4040303 20
Khoáng vật sét
- 4040407 20
Kinh tế NLK
- 4040412 20
Khoáng sản biến đại cương
- 4040413 20
- 4040108 20
Địa chất biến đại cương
- 4040111 20
Địa chất môi trường
- 4040119 20
Địa chất du lịch

Các môn học tự chọn C chọn 8 tín chỉ

- 4000001 20
Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính
- 4010603 20
Tiếng Anh KET1
- 4010604 20
Tiếng Anh KET2
- 4030114 20
Cơ sở khai thác lộ thiên
- 4000005 20
Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm
- 4010403 20
Autocad
- 4050509 20
Kỹ thuật môi trường

Chú thích

Mã học phần

Số tín chỉ

4040401 30

→ Học phần học trước

---> Học phần song hành

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Nguyên liệu khoáng (DCNK)

Phiên bản: Phiên bản (PB)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	B B	BBT C	BTL	LT	BT	TH	TN	D A	LA	TT	TS
Chương trình chung của ngành														
Học Kỳ Thứ 1														
1	4010101	Đại số	3				45							45
2	4010102	Giải tích 1	4				60							60
3	4020103	Pháp luật đại cương	2				30							30
4	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2				30							30
5	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	3				30		15					45
Học Kỳ Thứ 2														
1	4010613	Tiếng Anh 1	3				45							45
2	4010103	Giải tích 2	3				45							45
3	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3				30		15					45
4	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3				30		15					45
5	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3				45							45
6	4010701	Giáo dục thể chất 1	1				15							15
Học Kỳ Thứ 3														
1	4010614	Tiếng Anh 2	3				45							45
2	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3				30		15					45
3	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				30							30
4	4040101	Địa chất đại cương	3				45							45
5	4040301	Tinh thể khoáng vật + TN	3				30		15					45
6	4010702	Giáo dục thể chất 2	1				15							15
7	4040701	Công nghệ vật liệu vô cơ và silicat	2				30							30
8		Môn tự chọn A (ngành DCNK)	2											
Học Kỳ Thứ 4														
1	4010406	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	3				45							45
2	4010703	Giáo dục thể chất 3	1				15							15
3	4040114	Thực tập địa chất đại cương (cơ sở)	1						15					15
4	4040304	Thạch học I + TN	4				45		15					60
5	4040703	Tiếng Anh chuyên ngành nguyên liệu khoáng	2				30							30
6	4050526	Trắc địa đại cương	2				30							30
7	4050527	Thực tập trắc địa đại cương	1						15					15
8	4060142	Địa vật lý đại cương	2				30							30
9	4060143	Thực tập địa vật lý đại cương	1						15					15
10		Môn tự chọn A (ngành DCNK)	2											
Học Kỳ Thứ 5														

1	4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	3				45						45
2	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	2				30						30
3	4040115	Thực tập địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	3						45				45
4	4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	3				30		15				45
5	4070307	Quản trị dự án đầu tư	3				45						45
6	4070316	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	2				30						30
7	4010705	Giáo dục thể chất 5	1				15						15
8		Môn tự chọn A (ngành DCNK)	2										

Học Kỳ Thứ 6

1	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2				30						30
2	4040212	Các phương pháp tìm kiếm thăm dò và đánh giá mỏ	2				30						30
3	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	3				45						45
4	4040713	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất thủy tinh	3				45						45
5	4040708	Ngọc học và các phương pháp chế tác đá quý	3				45						45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2										
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2										
8	4010704	Giáo dục thể chất 4	1				15						15

Hướng chuyên sâu (DCNK_DCNK1): Nguyên liệu khoáng cho công nghệ luyện kim

Học Kỳ Thứ 7

1	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30						30
2	4040207	Địa chất mỏ	2				30						30
3	4040702	Nhiên liệu khoáng	2				30						30
4	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30						30
5	4070108	Mô hình toán kinh tế	2				30						30
6	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3				45						45
7		Môn tự chọn B (khoa 04)	2										
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2										

Học Kỳ Thứ 8

1	4040717	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất đá xây dựng	3				45						45
2	4030416	Làm giàu nguyên liệu khoáng kim loại	2		01		30						30
3	4030417	Luyện kim	2		01		30						30
4	4040309	Thạch học kỹ thuật	2		01		30						30
5	4040408	Khoáng tướng + TH	3		01		30		15				45
6	4040705	Nguyên liệu khoáng cho công nghiệp luyện kim	2		01		30						30
7	4040715	Công nghệ sản xuất vật liệu chịu lửa	2		01		30						30
8		Môn tự chọn B (khoa 04)	2										
9		Môn tự chọn C (toàn trường)	2										

Học Kỳ Thứ 9

1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45						45
---	---------	--	---	--	--	--	----	--	--	--	--	--	----

2	4040710	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất phân bón	3				45						45
3	4040718	Thực tập sản xuất	3						45				45
4		Môn tự chọn B (khoa 04)	2										
5		Môn tự chọn C (toàn trường)	2										

Học Kỳ Thứ 10

1	4040719	Thực tập tốt nghiệp	4						60				60
2	4040720	Đồ án tốt nghiệp	7								105		105

Hướng chuyên sau (DCNK_DCNK2): Nguyên liệu khoáng cho công nghệ sản xuất xi măng

Học Kỳ Thứ 7

1	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30						30
2	4040207	Địa chất mỏ	2				30						30
3	4040702	Nhiên liệu khoáng	2				30						30
4	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30						30
5	4070108	Mô hình toán kinh tế	2				30						30
6	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3				45						45
7		Môn tự chọn B (khoa 04)	2										
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2										

Học Kỳ Thứ 8

1	4040717	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất đá xây dựng	3				45						45
2	4030415	Làm giàu nguyên liệu khoáng không kim loại	2		01		30						30
3	4040711	Nguyên liệu khoáng kỹ thuật và phụ gia vô cơ	3		01		45						45
4	4040706	Nguyên liệu khoáng cho công nghệ sản xuất xi măng	3		01		45						45
5	4040712	Công nghệ sản xuất xi măng	3		01		45						45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2										
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2										

Học Kỳ Thứ 9

1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45						45
2	4040710	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất phân bón	3				45						45
3	4040718	Thực tập sản xuất	3						45				45
4		Môn tự chọn B (khoa 04)	2										
5		Môn tự chọn C (toàn trường)	2										

Học Kỳ Thứ 10

1	4040719	Thực tập tốt nghiệp	4						60				60
2	4040720	Đồ án tốt nghiệp	7								105		105

Hướng chuyên sau (DCNK_DCNK3): Nguyên liệu khoáng cho công nghệ gốm sứ và gạch ch

Học Kỳ Thứ 7

1	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30						30
2	4040207	Địa chất mỏ	2				30						30
3	4040702	Nhiên liệu khoáng	2				30						30
4	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30						30
5	4070108	Mô hình toán kinh tế	2				30						30
6	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3				45						45

14	4040206	Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng trong địa chất (GIS)	2			30						30
15	4040210	Lập và phân tích dự án đầu tư phát triển mỏ	2			30						30
16	4040217	Địa thống kê	2			30						30
17	4040218	Luật khoáng sản và luật môi trường	2			30						30
18	4040303	Khoáng vật sét	2			30						30
19	4040310	Địa hoá	2			30						30
20	4040312	Trầm tích học	2			30						30
21	4040318	Địa hoá môi trường sinh thái	2			30						30
22	4040407	Kinh tế nguyên liệu khoáng	2			30						30
23	4040409	Khoáng sàng đại cương	2			30						30
24	4040412	Khoáng sản biến đại cương	2			30						30
25	4040413	Khoáng sản Việt Nam	2			30						30
26	4040506	Địa chất động lực công trình	3			45						45
27	4040529	Thiết bị khảo sát trong địa chất công trình	2			30						30
28	4040602	Thủy văn đại cương	2			30						30
29	4040630	Quản lý tài nguyên nước dưới đất	2			30						30
30	4040636	Thoát nước công trình ngầm và mỏ	2			30						30
31	4050501	Trắc địa mô lộ thiên và xây dựng mỏ	3			45						45
32	4060103	Thăm dò điện I	3			45						45
33	4060117	Thăm dò địa chấn	3			45						45
34	4060121	Địa vật lý giếng khoan + TH	3			30		15				45
35	4060124	Địa nhiệt	2			30						30
36	4080203	Cơ sở lập trình	3			45						45
37	4090413	Thủy lực cơ sở B	2			30						30

Môn tự chọn C (toàn trường) (CCHUNG): Tín chỉ tự chọn 8

1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2		0101	30						30
2	4000002	Tâm lý học đại cương	2		0101	30						30
3	4000003	Tiếng Việt thực hành	2		0101	30						30
4	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2		0101	30						30
5	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2		0101	30						30
6	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2		0101	30						30
7	4010403	Autocad + TH	2			15		15				30
8	4010603	Tiếng Anh 3	2			30						30
9	4010604	Tiếng Anh 4	2			30						30
10	4010605	Tiếng Nga 1	2			30						30
11	4010606	Tiếng Nga 2	2			30						30
12	4010607	Tiếng Trung 1	2			30						30
13	4010608	Tiếng Trung 2	2			30						30
14	4020104	Lịch sử Triết học	2		0101	30						30
15	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2			30						30
16	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2			30						30
17	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2			30						30

18	4040101	Địa chất đại cương	3				45						45
19	4040110	Địa mạo cảnh quan	2				30						30
20	4040517	Cơ sở địa chất công trình - địa chất thủy văn	3				45						45
21	4040825	Cơ sở sinh vật học	2				30						30
22	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A(cho ngành Trắc địa) + BTL	3				45						45
23	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2				30						30
24	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3				45						45
25	4050302	Cơ sở viễn thám	2				30						30
26	4050509	Kỹ thuật môi trường	2				30						30
27	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2				30						30
28	4050526	Trắc địa đại cương	2				30						30
29	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2				30						30
30	4050610	Địa chính đô thị	2				30						30
31	4050616	Quản lý bất động sản	2				30						30
32	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2				30						30
33	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2				30						30
34	4050649	Quy hoạch vùng	3				45						45
35	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2				30						30
36	4050653	Quản lý đất đô thị	2				30						30
37	4060142	Địa vật lý đại cương	2				30						30
38	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2				30						30
39	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2				30						30
40	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3				45						45
41	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2				30						30
42	4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động dầu khí	2				30						30
43	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2				30						30
44	4070401	Nguyên lý kế toán	3				45						45
45	4070403	Kế toán tài chính I	4				60						60
46	4080153	Thiết kế Website	2				30						30
47	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2				30						30
48	4090301	Kỹ thuật điện +TN	3				30		15				45
49	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2				30						30
50	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2				30						30
51	4110130	Địa y học	2				30						30
52	4110236	Môi trường và con người	2				30						30

KHOA KHKT ĐỊA CHẤT



PGS.TS Nguyễn Văn Lâm

BỘ MÔN



PGS.TS Nguyễn Văn Lâm

Số: 1975/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo tại
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Công văn số 2435/BGDĐT-GDĐH ngày 12/4/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về rà soát chuẩn đầu ra các ngành đào tạo và biên soạn giáo trình;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Công văn số 343/MĐC-ĐTĐH ngày 16/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Chuẩn đầu ra là cơ sở pháp lý để Trường Đại học Mỏ - Địa chất xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động đào tạo, kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH(Mai)



PGS.TS Lê Hải An

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số 1975 /QĐ-MĐC ngày 22 tháng 10 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Mở - Địa chất)

1. Tên Chương trình đào tạo

1.1. Tên tiếng Việt:

Ngành đào tạo:

Kỹ thuật Địa chất

Mã số: 52520501

Chuyên ngành đào tạo:

Nguyên liệu khoáng

Mã số: 5252050104

1.2. Tên tiếng Anh:

Geological Engineering

Industrial Minerals

2. Trình độ đào tạo:

Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức: Hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành Nguyên liệu khoáng được thiết kế theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

3.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về khoa học cơ bản làm nền tảng cho những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành sau này; có sức khỏe và những kiến thức cần thiết đáp ứng yêu cầu học tập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Kiến thức cơ sở ngành

Kiến thức cơ sở ngành: nắm vững các kiến thức cơ bản về địa chất, khoáng sản, thăm dò, kinh tế nguyên liệu khoáng; các kiến thức về phương pháp nghiên cứu thành phần vật chất và tính chất công nghệ của khoáng sản.

3.3 Kiến thức chuyên ngành:

Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về đánh giá chất lượng khoáng sản, các dạng công nghệ chế biến cơ bản, yêu cầu công nghiệp và lĩnh vực sử dụng sử dụng nguyên liệu góp phần sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên khoáng.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng cứng

Kỹ năng chuyên môn; Năng lực thực hành nghề nghiệp; Kỹ năng xử lý tình huống; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Các kỹ năng cứng khác (nếu có)

- Có kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc để có thể thích ứng tốt với những công việc khác nhau thuộc lĩnh vực rộng của ngành kỹ thuật địa chất và chuyên ngành Nguyên liệu khoáng.

- Có khả năng áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để đánh giá chất lượng và tài nguyên khoáng sản, cũng như khả năng sử dụng của chúng trong nền kinh tế quốc dân.

- Có khả năng nghiên cứu, đề xuất các lĩnh vực sử dụng triệt để, hợp lý và tiết kiệm tài nguyên khoáng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp kết hợp với bảo vệ môi trường.

4.2 Kỹ năng mềm

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học: Phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông, cụ thể khi sv tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ VN và chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.

- Tính chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân: có tính năng động, sáng tạo, nghiêm túc và trách nhiệm cao trong công việc; có khả năng luận giải, phân tích và giải quyết vấn đề; có khả năng tự bồi dưỡng, nắm bắt được các tiến bộ khoa học công nghệ và ý thức học suốt đời.

- Làm việc theo nhóm: có kỹ năng làm việc hiệu quả theo nhóm; kỹ năng giao tiếp thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại.

5. Yêu cầu về thái độ

- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân.

- Trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ.

- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Với kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên có thể theo học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành của Nguyên liệu khoáng
- Có khả năng tự học và tiếp thu tốt các kiến thức khoa học kỹ thuật mới của ngành Kỹ thuật Địa chất và chuyên ngành Nguyên liệu khoáng.

7. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có năng lực làm việc trong các cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản, các viện nghiên cứu, các đơn vị đào tạo, các tập đoàn, doanh nghiệp hoạt động và chế biến khoáng sản, hoặc học tiếp ở bậc học cao hơn.

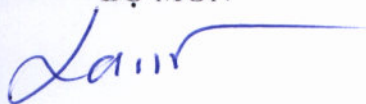
8. Các chương trình tài liệu chuẩn tham khảo

Chương trình đào tạo chuyên ngành Nguyên liệu khoáng được các nhà khoa học của Bộ môn xây dựng và tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học:

- [1]. Trường Đại học Mỏ - Địa chất, ngành kỹ thuật Địa chất
- [2]. Trường Đại học Mỏ - Địa chất, ngành Tuyền khoáng....
- [3]. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, chuyên ngành silicat.
- [4]. Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc Gia Hà Nội,

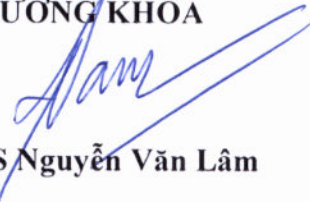
9. Các nội dung khác (nếu có)

BỘ MÔN



Nguyễn Văn Lâm

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS Nguyễn Văn Lâm